

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29-7-2024.
V/v: Ly hôn giữa chị Thủy và
anh Phúc.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quảng Văn Màng.

2 – Ông Lò Văn Khết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 29/7/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc: Tranh chấp ly hôn, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Cà Thị T**, sinh năm 1989.

Trú tại: **Bản H, xã M, huyện H, tỉnh Sơn La**. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Lù Văn P**, sinh năm 1985.

Trú tại: **Bản H, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2024 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị **Cà Thị T** trình bày:

Chị và anh **Lù Văn P** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 27/01/2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sơn La. Cuộc sống chung không hạnh phúc, đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không khắc phục được. Từ nhiều năm hai người sống không quan

tâm đến cuộc sống của nhau. Chị **Cà Thị T** xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh **Lù Văn P**.

Về con chung: Có hai con là **Lù Thị Thu T1**, sinh ngày 31/8/2006 và **Lù Thị Minh T2**, sinh ngày 03/5/2013. Chị có nguyện vọng tùy các con ai nuôi dưỡng con cũng được, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Lù Văn P** từ chối trình bày: Căn cứ vào ý kiến của cơ sở và các tài liệu có trong hồ sơ, xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị **Cà Thị T** và anh **Lù Văn P**. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị **Cà Thị T**. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được.

Về con chung: Có hai con là **Lù Thị Thu T1**, sinh ngày 31/8/2006 và **Lù Thị Minh T2**, sinh ngày 03/5/2013.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ để xử cho chị **Cà Thị T** được ly hôn anh **Lù Văn P**.

Con **C**: Giao cho anh **Lù Văn P** trực tiếp nuôi con **Lù Thị Minh T2**, sinh ngày 03/5/2013. Chị **Cà Thị T** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị **Cà Thị T** chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh **Lù Văn P** sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã từ chối khai trình bày nguyện vọng, đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Ủy ban nhân **xã M, huyện M** và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định của điểm

b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt anh **Lù Văn P.**

Nguyên đơn chị **Cà Thị T** có đơn đề nghị xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ theo quy định Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Cà Thị T** và anh **Lù Văn P** có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do hai người bất đồng quan điểm sống. Hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị **Cà Thị T** và anh **Lù Văn P** đã được gia đình và chính quyền khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị **Cà Thị T** yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị **Cà Thị T** được ly hôn anh **Lù Văn P.**

[3] Về con chung: Có hai con là **Lù Thị Thu T1**, sinh ngày 31/8/2006 và **Lù Thị Minh T2**, sinh ngày 03/5/2013. Cháu **Lù Thị Thu T1** đã lớn trưởng thành, đã đi làm. Căn cứ vào nguyện vọng của con **Lù Thị Minh T2** muốn được ở với bố, nên cần chấp nhận giao cho anh **Lù Văn P** trực tiếp nuôi dưỡng con **Lù Thị Minh T2**. Chị **Cà Thị T** không phải cấp dưỡng nuôi con, cần chấp nhận, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị **Cà Thị T** đã được giải thích thủ tục miễn án phí, nhưng chị không cần miễn án phí. Chị **Cà Thị T** chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị **Cà Thị T** được ly hôn anh **Lù Văn P.**
2. Giao cho anh **Lù Văn P** trực tiếp nuôi con **Lù Thị Minh T2**, sinh ngày 03/5/2013. Chị **Cà Thị T** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Cà Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001663 ngày 06/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Chị Cà Thị T, anh Lù Văn P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La (2);
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- UBND xã Mường Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(đã ký)

Nguyễn Minh Tuấn

